



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2013.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Triển	Thành viên
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên
Ông Trần Công Thơ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN NHỰT



Số: 15.140/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ-TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THỤY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.830.564.184	85.187.517.249
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		488.315.759	977.924.094
1. Tiền	111	5.1	488.315.759	977.924.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	22.627.509.127	79.061.257.985
1. Phải thu khách hàng	131		4.534.109.957	24.745.899.599
2. Trả trước cho người bán	132		67.953.500	12.006.961.057
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		19.934.621.950	43.740.170.304
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.909.176.280)	(1.431.772.975)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	33.711.439.298	3.829.629.012
1. Hàng tồn kho	141		34.008.095.833	3.829.629.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(296.656.535)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.300.000	1.318.706.158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	887.714.303
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	371.273.415
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.300.000	59.718.440

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.327.544.913	54.705.840.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.295.860.591	28.660.399.775
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	6.994.360.591	9.358.899.775
+ Nguyên giá	222		8.959.869.591	11.934.715.775
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.965.509.000)	(2.575.816.000)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	19.301.500.000	19.301.500.000
+ Nguyên giá	228		19.301.500.000	19.301.500.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	24.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.684.322	2.045.440.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.9	-	2.013.755.941
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.6	31.684.322	31.684.322
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.158.109.097	139.893.357.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.265.031.319	57.461.597.293
I. Nợ ngắn hạn	310		44.265.031.319	57.461.597.293
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	30.478.929.925	40.476.722.557
2. Phải trả người bán	312	5.8	2.906.515.898	6.655.113.966
3. Người mua trả tiền trước	313	5.8	1.863.715.054	685.857.097
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	839.570.562	1.811.115.298
5. Phải trả người lao động	315		18.922.044	46.636.552
6. Chi phí phải trả	316	5.10	2.009.404.121	1.052.360.915
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	6.147.973.715	6.733.790.908
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	38.893.077.778	82.431.759.994
I. Vốn chủ sở hữu	410		38.893.077.778	82.431.759.994
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.854.848	1.608.854.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42.946.487.070)	592.195.146
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.158.109.097	139.893.357.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

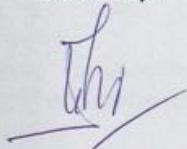
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		9.586.650.450	9.586.650.450
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.783,41	1.453,71
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP



TRẦN CÔNG THƠ

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN VĂN NHỰT

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

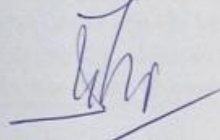
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	17.681.111.066	37.100.441.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	17.681.111.066	37.100.441.361
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	51.519.390.503	61.682.163.228
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(33.838.279.437)	(24.581.721.867)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	37.839.458	24.583.289
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.440.295.023	5.721.910.358
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.217.509.993	5.390.500.789
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	1.172.682.169	1.274.921.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	2.544.242.594	6.807.808.322
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.957.659.765)	(38.361.778.778)
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.236.000.000	53.837.057.443
12. Chi phí khác	32	6.8	1.803.266.510	7.387.817.855
13. Lợi nhuận khác	40		(567.266.510)	46.449.239.588
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.524.926.275)	8.087.460.810
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	2.013.755.941	2.158.511.511
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.538.682.216)	5.928.949.299
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.12.4	(5.427)	738,99

NGƯỜI LẬP



TRẦN CÔNG THƠ

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN VĂN NHỰT

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		40.748.353.574	73.239.608.294
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(77.436.188.422)	(21.188.760.381)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(453.979.617)	(2.133.276.803)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.280.466.787)	(4.338.139.874)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.640.814.354	12.993.599.245
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.820.000.000)	(2.496.406.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.601.466.898)	56.076.623.988
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.236.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(41.576.472.070)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.000.000.000	13.393.546.114
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.337.874	24.583.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.252.337.874	(28.158.342.667)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

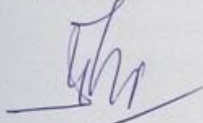
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	42.719.124.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.140.716.000)	(70.277.890.989)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.140.716.000)	(27.558.766.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(489.845.024)	359.515.196
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		977.924.094	690.832.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		236.689	(72.423.247)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		488.315.759	977.924.094

NGƯỜI LẬP


TRẦN CÔNG THỌ
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015



NGƯỜI DUYẾT

NGUYỄN VĂN NHỰT
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 10 nhân viên (tại ngày 31/12/2013 là: 16 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính..

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYỀN HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày trên bảng cân đối kế toán là quyền sử dụng đất tại số 339 - 341 Đường số 5, phường Bình Trị Đông và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB293770, AB293743, AB293762. Các quyền sử dụng đất này vô thời hạn nên không trích khấu hao.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm.

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo nghị quyết hội đồng cổ đông hàng năm.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng
 - Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
+ Hàng thủy sản nguyên liệu bán trong nước	5%
+ Hàng thủy sản bán trong nước	10%
+ Thanh lý máy móc thiết bị	10%
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	417.437.388	774.327.049
Tiền gửi ngân hàng	70.878.371	203.597.045
Tổng cộng	488.315.759	977.924.094

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	4.534.109.957	24.745.899.599
Trả trước cho người bán	67.953.500	12.006.961.057
Các khoản phải thu khác	19.934.621.950	43.740.170.304
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	24.536.685.407	80.493.030.960
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.909.176.280)	(1.431.772.975)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	22.627.509.127	79.061.257.985

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng tiền mua nguyên liệu cho nhà cung cấp	30.342.530	303.342.530
Phải thu Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật tạm cho mượn vốn kinh doanh	19.606.971.541	43.151.673.945
Khác	297.307.879	285.153.829
Cộng	19.934.621.950	43.740.170.304

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.480.768.619	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.527.327.214	3.829.629.012
Cộng giá gốc hàng tồn kho	34.008.095.833	3.829.629.012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(296.656.535)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	33.711.439.298	3.829.629.012

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 296.656.535 đồng do hàng tồn kho chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải truyền dẫn	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.561.000.000	5.373.715.775	11.934.715.775
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.974.846.184)	(2.974.846.184)
Số dư cuối năm	6.561.000.000	2.398.869.591	8.959.869.591
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.575.816.000	2.575.816.000
Khấu hao trong năm	437.400.000	445.062.000	882.462.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.492.769.000)	(1.492.769.000)
Số dư cuối năm	437.400.000	1.528.109.000	1.965.509.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.561.000.000	2.797.899.775	9.358.899.775
Tại ngày cuối năm	6.123.600.000	870.760.591	6.994.360.591

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời không được sử dụng là 6.123.600.000 đồng.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất, trị giá 19.301.500.000 đồng. Thời gian sử dụng là vô thời hạn nên không trích khấu hao.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 19.301.500.000 đồng – xem thêm mục 5.7

5.6. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê văn phòng tại Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc theo hợp đồng số 79/HĐTVP-ĐT-2013 ngày 17 tháng 04 năm 2013.

5.7. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay ngân hàng, chịu lãi suất bình quân 12% - 15%/năm đối với các khoản vay VND; và 5%/năm đối với khoản vay USD; thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng:

- Tài sản vô hình là các quyền sử dụng đất vô thời hạn với giá trị ghi nhận trên sổ sách là 19.301.500.000 – xem thêm mục 5.5;
- Bộ chứng từ xuất khẩu, L/C xuất khẩu và các khoản phải thu từ các hợp đồng xuất khẩu thuộc quyền sở hữu của Công ty.

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	2.906.515.898	6.655.113.966
Người mua trả tiền trước	1.863.715.054	685.857.097
Tổng cộng	4.770.230.952	7.340.971.063

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	770.741.058	1.698.033.905
Thuế thu nhập cá nhân	68.829.504	113.081.393
Tổng cộng	839.570.562	1.811.115.298

5.10. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	1.989.404.121	1.052.360.915
Khác	20.000.000	-
Tổng cộng	2.009.404.121	1.052.360.915

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	57.912.799	59.412.799
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	19.635.479	2.354.409
Phải trả phí gia công cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7.	6.070.425.437	6.672.023.700
Tổng cộng	6.147.973.715	6.733.790.908

5.12. Vốn chủ sở hữu**5.12.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	ĐVT: đồng			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	(5.336.754.153)	76.502.810.695
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.928.949.299	5.928.949.299
Số dư đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	592.195.146	82.431.759.994
Lợi nhuận trong năm	-	-	(43.538.682.216)	(43.538.682.216)
Số dư cuối năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(42.946.487.070)	38.893.077.778

5.12.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	80.230.710.000	80.230.710.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

5.12.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	8.023.071	8.023.071
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

5.12.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(43.538.682.216)	5.928.949.299
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	8.023.071	8.023.071
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(5.427)	739

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	15.529.758.933	25.477.281.863
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	2.151.352.133	3.305.356.349
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	-	8.317.803.149
Doanh thu thuần	17.681.111.066	37.100.441.361

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm xuất khẩu	13.371.560.848	23.583.519.964
Giá vốn của thành phẩm bán trong nước	37.742.465.817	29.168.257.918
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác	-	8.660.620.813
Hàng tồn kho hao hụt, mất mát, mất phẩm chất	108.707.303	269.764.533
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	296.656.535	-
Tổng cộng	51.519.390.503	61.682.163.228

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.337.874	24.583.289
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.501.584	-
Tổng cộng	37.839.458	24.583.289

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.217.509.993	5.390.500.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	166.159.009	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.626.021	331.409.569
Tổng cộng	3.440.295.023	5.721.910.358

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	-	485.896.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.062.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.112.774	667.269.406
Chi phí bằng tiền khác	65.507.395	121.755.263
Tổng cộng	1.172.682.169	1.274.921.520

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	471.073.000	1.686.197.278
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	-	46.018.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	437.400.000	196.800.000
Thuế, phí và lệ phí	780.599.500	785.490.595
Chi phí dự phòng	477.403.305	3.765.751.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.337.337	184.680.286
Chi phí bằng tiền khác	154.429.452	142.869.581
Tổng cộng	2.544.242.594	6.807.808.322

6.7. Thu nhập khác

Là tiền thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định phát sinh trong năm.

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội, chậm trả lãi vay	321.189.326	238.071.709
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.482.077.184	7.149.746.146
Tổng cộng	1.803.266.510	7.387.817.855

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để bù đắp cho các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến cuối năm tài chính này. Vì vậy, Công ty không tính và trình bày chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Đồng thời, trong năm, Công ty hoãn lại thuế TNDN hoãn lại đã trích cho khoản lỗ tính thuế của năm 2012.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.623.775.635	21.297.462.375
Chi phí nhân công	471.073.000	1.974.587.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	882.462.000	953.893.000
Chi phí dự phòng	774.059.840	3.787.143.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.450.111	1.762.820.062
Chi phí khác bằng tiền	1.000.536.347	1.385.512.425
Tổng cộng	73.637.356.933	31.161.418.377

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động thương mại hàng hoá thuỷ - hải sản và thực phẩm chế biến.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là xuất khẩu, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên đối tượng

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Văn Nhật

Tổng Giám đốc

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	167.360.000	128.600.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	108.000.000	187.284.000
Tổng cộng	275.360.000	315.884.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	488.315.759	977.924.094
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.231.905.218	66.465.800.569
Ký quỹ, ký cược dài hạn	31.684.322	31.684.322
Tổng cộng	22.751.905.299	67.475.408.985
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	30.478.929.925	40.476.722.557
Phải trả người bán và phải trả khác	8.976.941.335	13.327.137.666
Chi phí phải trả	2.009.404.121	1.052.360.915
Tổng cộng	41.465.275.381	54.856.221.138

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	526.682,15	632.520,05	75.550,78	76.590,12

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	30.478.929.925	-	30.478.929.925
Phải trả người bán và phải trả khác	8.976.941.335	-	8.976.941.335
Chi phí phải trả	2.009.404.121	-	2.009.404.121
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	40.476.722.557	-	40.476.722.557
Phải trả người bán và phải trả khác	13.327.137.666	-	13.327.137.666
Chi phí phải trả	1.052.360.915	-	1.052.360.915

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.231.905.218	-	22.231.905.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	31.684.322	31.684.322
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.465.800.569	-	66.465.800.569
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	31.684.322	31.684.322

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

TRẦN CÔNG THƠ
Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐUYỆT



NGUYỄN VĂN NHỰT
Tổng Giám đốc